

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án một số giải pháp nhằm duy trì và phát triển bền vững tiêu chí thứ 8 về thông tin và truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-BTTTT ngày 28/03/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định chi tiết thực hiện tiêu chí thông tin và truyền thông về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh, về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Kết luận số 108-KL/TU ngày 29/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số nội dung tại phiên họp ngày 26/6/2017 và Thông báo số 52/TB-UBND ngày 21/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Kết luận tại phiên họp UBND tỉnh ngày 19-20/6/2017.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Bắc Ninh tại tờ trình số 06/TTr-STTTT ngày 24/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án một số giải pháp nhằm duy trì và phát triển bền vững tiêu chí thứ 8 về thông tin và truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020 (Chi tiết có Đề án kèm theo), gồm các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng một số giải pháp nhằm duy trì và phát triển bền vững 04 nội dung của tiêu chí thứ 8 về "thông tin và truyền thông":

- Xã có điểm phục vụ bưu chính.
- Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính

100% xã có điểm phục vụ bưu chính đạt chuẩn theo quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị; đạt chuẩn về cung cấp các loại hình dịch vụ; đạt chuẩn về chất lượng dịch vụ theo quy chuẩn.

2.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet

100% thôn trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet đạt tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ theo các quy chuẩn.

2.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn

100% xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến tất cả các thôn hoạt động ổn định, đáp ứng các quy định về thiết bị truyền thanh, phát xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ và sử dụng tần số theo đúng quy định.

2.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành

- 100% xã có máy vi tính phục vụ công tác của cán bộ, công chức, với tỷ lệ máy vi tính/tổng số cán bộ công chức đạt 100%.

- 100% xã có sử dụng ít nhất hai trong các phần mềm ứng dụng sau: Hệ thống quản lý văn bản điều hành; Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước; Cổng/trang thông tin điện tử thành phần phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- 100% UBND cấp xã được cấp chứng thư số để gửi, nhận văn bản, tài liệu.

- 100% UBND xã sử dụng mạng tin học diện rộng nội tỉnh (WAN) tốc độ cao để truyền tải dữ liệu, đáp ứng khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối Internet phục vụ công việc.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN:

2.1. Điểm phục vụ bưu chính cấp xã

Năm 2018, đầu tư nâng cấp, sửa chữa nhà cửa, lối đi, sân, vườn, nhà vệ sinh, mua bổ sung sách, báo... cho 97 điểm BĐVHX đảm bảo khang trang, sạch sẽ, mỹ quan, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ nhân dân. Kinh phí sửa chữa, nâng cấp, mua sách báo do doanh nghiệp đầu tư.

2.2. Mạng viễn thông, Internet đến cấp xã

Trong giai đoạn 2018-2020, các doanh nghiệp viễn thông đầu tư cơ sở hạ tầng viễn thông, Internet tại 97 xã nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân vùng nông thôn. Kinh phí thực hiện do doanh nghiệp đầu tư.

2.3. Hệ thống đài truyền thanh cấp xã

- Năm 2018: Đối với 43 đài truyền thanh cơ sở được đầu tư trong giai đoạn 2005-2006 (trong đó có 36 đài truyền thanh xã): Giao Sở Thông tin và Truyền thông lập dự án đầu tư mới, công nghệ xen kẽ vừa truyền thanh hữu tuyến vừa truyền thanh vô tuyến tùy theo điều kiện thực tế của địa phương. Kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh.

(Có danh sách 43 đài truyền thanh xã được đầu tư kèm theo)

- Đối với 83 đài truyền thanh cơ sở được đầu tư trong giai đoạn 2013-2016 (Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh làm chủ đầu tư theo Quyết định số 108/2011/QĐ-UBND ngày 26/8/2011 của UBND tỉnh Bắc Ninh, về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ đầu tư nâng cao hiệu quả hoạt động Đài Truyền thanh cơ sở tỉnh Bắc Ninh: Giao Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh chủ trì:

+ Yêu cầu đơn vị cung cấp thiết bị bảo hành, sửa chữa các thiết bị hư hỏng còn thời gian bảo hành trong thời gian sớm nhất.

+ Đối với các thiết bị hết thời gian bảo hành, Đài PT-TH tỉnh làm đầu mối tiếp nhận thông báo hỏng hóc thiết bị từ đài truyền thanh cơ sở, tổng hợp và liên hệ đơn vị cung cấp thiết bị tiến hành sửa chữa, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, không bị gián đoạn (kinh phí sửa chữa do UBND các xã chi trả).

2.4. Ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành ở cấp xã

Năm 2018: Dự kiến đầu tư 310 máy vi tính cho 70 xã, đảm bảo sau khi được đầu tư 97/97 xã sẽ có tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức trên 80% (để đáp ứng tiêu chí nông thôn mới về thông tin truyền thông)

Năm 2019-2020: Dự kiến đầu tư 320 máy vi tính cho 86 xã, đảm bảo sau khi được đầu tư 97/97 xã sẽ có tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức bằng 100%.

III. KINH PHÍ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Tổng kinh phí thực hiện đề án (tạm tính): **204.930.000.000 đồng**
(Hai trăm linh bốn tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng)

Trong đó:

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ (dự kiến): 31,870 tỷ đồng.

+ Vốn xã hội hóa (doanh nghiệp tự chi trả): 173,060 tỷ đồng.

Điều 2. Giao cho Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Đài PT-TH tỉnh, các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Đề án theo đúng trình tự, thủ tục; trên cơ sở huy động tối đa nguồn xã hội hóa để thực hiện Đề án.

Về nguồn vốn thực hiện: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với sở Tài chính, sở Thông tin và Truyền thông xem xét nguồn kinh phí để thực hiện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp; trên cơ sở đúng trình tự, thủ tục quy định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Thông tin và Truyền thông; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Đài PT-TH tỉnh; Kho bạc Nhà nước tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *Nguyễn Tiến Như*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh : CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KTTH, NNTN, XDCB, PVPTH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Như

Phụ lục: DANH SÁCH 43 ĐẠI TRUYỀN THANH CƠ SỞ DỰ KIẾN ĐẦU TƯ 2018

(Kèm theo Quyết định số 227 /QĐ-UBND ngày 12 / 02 /2018)

Stt	Tên Đại THCS	Huyện, thị xã, thành phố	Ghi chú
1	TT Lim	Tiên Du	
2	Việt Đoàn		
3	Hiên Vân		
4	Phật Tích		
5	Hoàn Sơn		
6	Cánh Hưng		
7	Mình Đạo		
8	Phù Khê	Từ Sơn	
9	Long Châu	Yên Phong	
10	TT Chờ		
11	Thụy Hòa		
12	Kim Chân		
13	Hòa Long	TP Bắc Ninh	
14	Kinh Bắc		
15	Hạp Lĩnh		
16	Khắc Niệm		
17	Ninh Xá		
18	Bồng Lai		
19	Hán Quảng		
20	Ngọc Xá		
21	Đào Viên		
22	Châu Phong		
23	Quế Tân		
24	Nhân Hòa		
25	Đại Xuân		
26	Việt Thống	Gia Bình	
27	Lãng Ngâm		
28	Giang Sơn		
29	Thái Bảo		
30	Vạn Ninh		
31	Cao Đức		
32	TT Gia Bình		
33	Sông Giang		
34	Đại Bái		
35	Xuân Lai		
36	An Thịnh		
37	Bình Định		
38	Trung Chính		
39	Phú Hòa		
40	Trung Kênh		
41	Mỹ Hương	Thuận Thành	
42	Đình Tổ		
43	Nguyệt Đức		